

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:01/2021/KDTM-ST
Ngày: 01 - 02 - 2021
V/v tranh chấp “Mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Phương.

2. Ông Huỳnh Thanh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-KDTM ngày 27 tháng 08 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại S; Địa chỉ: Khu vực T, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh E, sinh năm:1991; Địa chỉ: Ấp T 1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/08/2020) (có mặt)

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Bà Dương Thị X, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 07 năm 2020 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S trình bày: Ngày 13/10/2015 Công ty có ký hợp đồng mua bán với đại lý Năm T do Nguyễn Văn T đăng ký kinh doanh, được bà Dương Thị X làm đại diện ký kết,

việc mua bán liên tục cho đến ngày 19/02/2019 đối chiếu công nợ thì ông T, bà X còn nợ số tiền 79.000.000 đồng. Sau nhiều lần yêu cầu ông T, bà X trả tiền nhưng ông T, bà X hứa hẹn nhưng không thực hiện. Nay Công ty yêu cầu vợ chồng Nguyễn Văn T, Dương Thị X liên đới trả số tiền 79.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Đồng thời, yêu cầu được tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án, kể từ ngày có đơn yêu cầu cho đến khi Thi hành án xong, mức lãi theo khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 31 tháng 08 năm 2020 bị đơn bà Dương Thị X trình bày: Bà là vợ của Nguyễn Văn T, ông T có đăng ký kinh doanh mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, bà X có ký hợp đồng mua bán với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S. Thừa nhận còn nợ và đồng ý trả số tiền số tiền 79.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi suất.

Do ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị X không đến Tòa án, Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S khởi kiện ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị X về việc “Hợp đồng mua bán hàng hóa”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử đều đúng quy định, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định, còn bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị X được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, anh E đại diện của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị X liên đới trả số tiền còn nợ mua bán là 79.000.000 đồng, bên nguyên đơn cung cấp hợp đồng đại lý và biên bản đối chiếu công nợ. Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai bà X thừa nhận còn nợ và đồng ý trả tiền nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 280, 440 của Bộ luật dân sự 2015.

Đại diện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên không đề cập đến. Đại diện của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án là có căn cứ.

Từ nhận định trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S khởi kiện ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị X về việc “Mua bán hàng hóa”. Do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S và ông Nguyễn Văn T đều có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nên Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý giải

quyết theo quy định tại khoản 01 Điều 30, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi có quyết định xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần cho ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị X nhưng ông T, bà X vắng mặt không vì trở ngại khách quan hay vì sự kiện bất khả kháng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tài, bà Xuân theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Hợp đồng mua bán giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S với Đại lý Năm T do bà Dương Thị X ký kết vào ngày 13/10/2015 và được mua bán liên tục đến ngày 19/02/2019 thì ông T, bà X còn nợ số tiền 79.000.000 đồng. Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 319 của Luật Thương mại.

[2] Ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị X được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ông T, bà X có nghĩa vụ đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhưng ông T, bà X không cung cấp được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[3] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Minh E đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S yêu cầu ông T, bà X liên đới trả số tiền mua bán còn nợ là 79.000.000 đồng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 31/08/2020 thì bà X đồng ý trả số tiền 79.000.000 đồng. Như vậy, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S yêu cầu ông T, bà X liên đới trả số tiền 79.000.000 đồng là có căn cứ theo Điều 50, 55 của Luật Thương mại.

[4] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Minh E đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S không yêu cầu tính lãi suất của số tiền 79.000.000 đồng nên không đề cập đến.

Anh Nguyễn Minh E yêu cầu tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án, kể từ ngày có đơn yêu cầu cho đến khi Thi hành án xong, mức lãi theo khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là có căn cứ.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S đối với ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị X là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do toàn bộ yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S được Tòa án chấp nhận nên ông T, bà X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, mức án phí là 5% đối với số tiền 79.000.000 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 30, 35, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng các Điều 24, 50, 55 và 306 Luật thương mại năm 2005;
Căn cứ vào các Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S đối với ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị X về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S số tiền là 79.000.000 đồng (Bảy mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị X có nghĩa vụ liên đới chịu 3.950.000 đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại S 2.795.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0005569 ngày 27/08/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

-TAND tỉnh;
-VK SND tỉnh/Huyện;
-Chi cục THA DS;
-Các đ/s;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Hựu